

CAO HY THIÊM

Cách dùng, liều lượng

Dùng 5 ml/lần đến 10 ml/lần, 2 lần một ngày.

Lắc kỹ trước khi dùng.

Kiêng kỵ

Không nên ăn các thứ lạnh, khó tiêu. Thận trọng khi dùng cho người tân dịch thiếu, háo khát âm hư.

CAO HY THIÊM

Công thức

Hy thiêm (<i>Siegesbeckiae Herba</i>)	1000 g
Thiên niên kiện (<i>Homalomenae occultae Rhizoma</i>)	50 g
Ethanol 90 % (<i>Ethanolum 90 %</i>)	230 ml
Đường trắng (<i>Saccharum</i>)	130 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Hy thiêm loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái đoạn dài 10 cm đến 15 cm. Thiên niên kiện loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái mỏng. Cho các dược liệu vào nồi, dùng vỉ ghim chặt cho dược liệu khỏi bong lên, đổ ngập nước 10 cm. Đun sôi trong 2 h (chú ý bù lượng nước bay hơi). Gạn lấy dịch chiết. Chiết tiếp như trên thêm 2 lần nữa. Gộp các dịch chiết, cô còn khoảng 500 ml. Để lắng và lọc trong. Thêm đường trắng, đun sôi để hòa tan. Để nguội, thêm ethanol 90 %, khuấy đều, lọc. Thêm nước vừa đủ 1000 ml và róng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng màu đen, vị ngọt đắng, mùi thơm của Thiên niên kiện.

Định tính

Định tính Hy thiêm.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Cloroform - methanol* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 ml chế phẩm, pha loãng với 10 ml nước, chuyển vào bình gạn, lắc với *ethyl acetat* (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết *ethyl acetat*, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa cồn trong 2 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 5 g Hy thiêm (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, đun sôi nhẹ với 100 ml nước trong khoảng 1 h (chú ý bù nước bay hơi), lọc. Cô dịch lọc còn khoảng 30 ml, để nguội, chuyển vào bình gạn, lắc với *ethyl acetat* (TT) 2 lần, mỗi lần 25 ml. Gộp các dịch chiết *ethyl acetat*, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa cồn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch *acid sulfuric 10 %* (TT), sấy bản mỏng ở 110 °C cho tới khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ trong và độ đồng nhất

Sánh, đồng nhất, không được có váng mốc, bã dược liệu và vật lạ (Phụ lục 1.1).

Hàm lượng ethanol

18 % đến 20 % (tt/tt) (Phụ lục 10.12).

Tỷ trọng

Ở 20 °C: 1,05 đến 1,10 (Phụ lục 6.5, Phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Bảo quản

Đựng trong lọ kín để nơi mát.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt, trừ thấp, tán phong, thông kinh chi thống. Chủ trị: Các chứng phong thấp sưng nóng đỏ đau, chân tay tê bại, đau lưng mỏi gối do phong thấp nhiệt gây nên.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 60 ml, chia làm 3 lần. Bệnh nặng dùng nhiều hơn.

Kiêng kỵ

Không dùng cho người phong thấp có hư hàn.

CAO ÍCH MẪU

Công thức

Hương phụ chế giấm (<i>Cyperi Rhizoma Praeparatum</i>)	250 g
Ích mẫu (<i>Leonuri japonici Herba</i>)	800 g
Ngải cứu (<i>Artemisiae vulgaris Herba</i>)	200 g
Acid benzoic (<i>Benzoicum Acidum</i>)	2 g
Ethanol 90 % (<i>Ethanolum 90 %</i>)	180 ml
Đường trắng (<i>Saccharum</i>)	600 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Hương phụ chế giấm theo chuyên luận riêng. Ích mẫu, Ngải cứu loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái đoạn dài 5 cm đến 10 cm, trộn đều. Lấy một nửa lượng Ích mẫu và Ngải cứu xếp dưới đáy nồi, giữa để Hương phụ, trên cùng cho nốt phần Ích mẫu, Ngải cứu còn lại. Lây vỉ ghim chặt dược liệu, đổ nước ngập dược liệu 10 cm. Đun sôi đều trong 4 h (chú ý bù nước bay hơi). Gạn lấy dịch chiết, để lắng, lọc trong. Chiết tiếp như trên từ 2 đến 3 lần nữa. Gộp dịch chiết, cô đặc còn khoảng 600 ml, thêm đường trắng và đun sôi để hòa tan đường. Thêm ethanol 90 %, thêm acid benzoic và thêm nước vừa đủ 1000 ml. Lọc và đóng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng sánh màu nâu đen, thơm mùi dược liệu, vị ngọt hơi đắng.

Định tính

A. Định tính Ích mẫu

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat - aceton - acid formic (15 : 2 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 ml chế phẩm, pha loãng với 20 ml nước, chuyển vào bình gạn, lắc với 30 ml ethyl acetat (TT). Gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, bốc hơi trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml ethanol 96 % (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 6 g Ích mẫu (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 100 ml nước, đun sôi nhẹ 1 h (chú ý bổ sung nước bay hơi), lọc. Cô dịch lọc trong cách thủy đến còn khoảng 30 ml, để nguội, chuyển vào bình gạn, lắc với 30 ml ethyl acetat (TT). Gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, bốc hơi trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml ethanol 96 % (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 14 cm đến 15 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch sắt (III) clorid 5 % trong ethanol (TT). Quan sát ở ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

B. Định tính Ngải cứu

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat - aceton - acid formic (15 : 2 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Ích mẫu.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Ngải cứu (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 100 ml nước, đun sôi nhẹ 1 h (Chú ý bổ sung bù nước bay hơi), lọc. Cô dịch lọc trong cách thủy đến còn khoảng 30 ml, để nguội, chuyển vào bình gạn, lắc với 30 ml ethyl acetat (TT). Gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, bốc hơi trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cặn trong 1 ml ethanol 96 % (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 14 cm đến 15 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới đèn tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ trong và độ đồng nhất

Chất lỏng sánh, đồng nhất, không được có váng mốc, bã được liệu và vật lạ (Phụ lục 1.1).

Thêm cùng thể tích nước không được đục.

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Từ 1,20 đến 1,23 (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Hàm lượng ethanol

14 % đến 17 % (Phụ lục 10.12).

Bảo quản

Trong lọ kín, để nơi mát.

Công năng, chủ trị

Hoạt huyết, điều kinh. Chủ trị: Kinh nguyệt không đều, khí hư bạch đới, rong huyết và băng huyết do huyết ứ, hành kinh đau bụng. Làm cho tử cung chóng co lại như cũ sau khi sinh.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 25 ml, chia làm 2 lần. Bệnh nặng dùng liều gấp đôi.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai dùng nên thận trọng, kiêng ăn các thức ăn lạnh khi dùng thuốc.

CAO LÔNG TỬ NGHỊCH

Công thức

Hắc phụ tử (<i>Aconiti Radix Lateralis Praeparata</i>)	300 g
Can khương (<i>Zingiberis Rhizoma Siccum</i>)	200 g
Cam thảo chích mật (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma Praeparata cum Melle</i>)	200 g
Siro đơn (<i>Sirupus simplex</i>)	300 ml
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Sắc Hắc Phụ tử và chích Cam thảo 2 lần, lần một trong 2 h, lần hai trong 1,5 h. Gộp dịch sắc và lọc. Can khương được cắt kéo hơi nước lấy dịch nước cất bão hòa tinh dầu, tinh dầu để vào các dụng cụ riêng biệt. Sắc bã Can khương cùng với nước trong 1 h. Gộp dịch sắc Can khương và nước cất chứa tinh dầu của Can khương và lọc, gộp dịch lọc thu được với dịch sắc của Hắc phụ tử và chích Cam thảo, cô đặc đến còn khoảng 400 ml. Để nguội, thêm 1200 ml ethanol 95 %, khuấy kỹ, để yên trong 24 h, lọc và cô chân không đến dịch chiết đặc. Hòa loãng dịch đặc này với một lượng nước thích hợp, giữ ở chỗ mát trong 24 h và lọc. Thêm 300 ml siro đơn, chất bảo quản, tinh dầu Can khương ở trên. Thêm nước tới đủ 1000 ml, khuấy đều, đóng lọ 10 ml và tiệt trùng.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Cao thuốc” (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng hơi sánh, màu vàng hơi nâu, mùi thơm, vị ngọt hơi cay.

Định tính

A. Định tính Cam thảo.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - acid acetic băng - acid formic - nước (15 : 1 : 1 : 2), lắc đều, để tách lớp, lấy lớp trên.

Dung dịch thử: Lấy 20 ml chế phẩm, thêm 20 ml n-butanol (TT), lắc kỹ, gạn lấy lớp n-butanol và cô thu hồi dung môi đến gần khô, hòa cặn trong 2 ml methanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1 g Cam thảo (mẫu chuẩn), thêm 40 ml ether (TT), đun hồi lưu trên cách thủy trong 1 h, bỏ dịch chiết ether. Thêm 30 ml methanol (TT) vào phần bã